

Phúc lợi xã hội góp phần đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Đoàn Minh Huấn

Tạp chí Cộng sản

Hoàng Đình Minh

Viện Chính lược ngân hàng

Trong nền kinh tế thị trường, phúc lợi xã hội (PLXH) không thụ hưởng một chiều thành quả kinh tế, chỉ tiêu cho PLXH không hẳn là “bao cấp” mà là đầu tư cho phát triển “vốn con người”, phát triển “hạ tầng xã hội”, nhất là trong điều kiện nguồn nhân lực trở thành nguồn lực quan trọng bậc nhất cho phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số. PLXH tiến bộ, hiệu quả, chất lượng còn bảo đảm xã hội phát triển trong trật tự ổn định, ngăn ngừa các nguy cơ xung đột xã hội nảy sinh do bất công xã hội. Với vai trò, chức năng rộng lớn như vậy, PLXH và an sinh bổ sung cho nhau, cùng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, góp phần bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Phúc lợi xã hội trong đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa

Đất nước ta, sau 35 năm đổi mới đã chuyển từ nền kinh tế kế hoạch tập trung bao cấp sang nền KTTT định hướng XHCN, đòi hỏi phải kiến tạo một hệ thống PLXH phù hợp với thể chế chính trị, trình độ kinh tế, truyền thống dân tộc, tính toán cả yêu cầu hội nhập kinh tế. Văn kiện Đảng các kỳ đại hội luôn nhấn mạnh đến chăm lo chính sách xã hội, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, nhà ở, nước sạch, giao thông công cộng, trợ giá, trợ cước, miễn giảm phí, hỗ trợ các dân tộc thiểu số mua bảo hiểm y tế, doanh nghiệp thực hiện nghiêm việc đóng bảo hiểm cho người lao động,... đều mang ý nghĩa bảo đảm PLXH và an sinh xã hội. Tuy vậy, thiết kế, vận hành một mô hình PLXH phù hợp với tính chất, trình độ phát triển kinh tế, đặc trưng thể chế chính trị ở từng chặng đường phát triển lại chưa được đặt ra nghiên cứu đầy đủ, thậm chí có cả nhầm lẫn giữa PLXH và an sinh xã hội.

PLXH thông qua bảo đảm dịch vụ công cơ bản, thiết yếu miễn phí áp dụng cho các những lĩnh vực, những mặt, những khâu gắn với với trách nhiệm toàn bộ, toàn diện của nhà nước, từ chi trả phí, tổ chức hệ thống cung ứng đến kiểm soát chất lượng dịch vụ. Nhưng dịch vụ này thường gắn liền với trách nhiệm đầy đủ của nhà nước, nếu người dân không được tiếp cận các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng sống của cá nhân mà còn gây tổn hại lợi ích công cộng do thiếu nền tảng tri thức, văn hóa, sức khỏe để trở thành những người đủ năng lực làm chủ chính mình, có ích cho xã hội. Ngược lại, khi không được chăm lo phát triển tri thức, giáo dục văn hóa, nâng cao sức khỏe con người sẽ thiếu năng lực làm chủ, thậm chí rơi vào các nguy cơ trở thành gánh nặng cho xã hội. Vì vậy, những gì đem lại lợi ích

công thì nhà nước phải có trách nhiệm chăm lo, tập trung là hệ thống dịch vụ công cơ bản, thiết yếu miễn phí; còn những gì đem lại lợi ích cho cá nhân thì mỗi người phải tự chi trả tài chính.

PLXH thông qua bảo đảm dịch vụ công do nhà nước và người tiêu dùng cùng chia sẻ trách nhiệm chi trả phí sử dụng. Đây thường là những dịch vụ á công, hay còn gọi là dịch vụ không thuần công, lợi ích của dịch vụ mang lại giá trị “kép” cho cả xã hội và cá nhân người thụ hưởng dịch vụ. Người tiêu dùng phải chi trả một phần phí sử dụng để có trách nhiệm tiêu dùng dịch vụ một cách tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí. Mức phí dịch vụ mà người tiêu dùng chi trả phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nếu khả năng chi trả của nhà nước lớn thì mức chi trả của cá nhân chủ yếu để gắn trách nhiệm sử dụng dịch vụ, nếu khả năng chi trả của nhà nước có giới hạn thì buộc phải tăng thu phí đối với người tiêu dùng. Mặt khác, quy định mức phí đối với người sử dụng dịch vụ còn được xem như công cụ quản lý của nhà nước, khi cần “kích cầu” dịch vụ thì thường để phí thấp, khi cần tiết chế nhu cầu sử dụng thì tăng phí. Chúng thường được áp dụng cho các dịch vụ không thuần công trên các dịch vụ đào tạo (đào tạo nghề, đào tạo đại học), dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ văn hóa - giải trí, dịch vụ giao thông công cộng đô thị, dịch vụ nước sạch, dịch vụ nhà ở xã hội...

PLXH có tính an sinh xã hội thông qua các khoản hỗ trợ bằng tiền mặt có nguồn gốc từ ngân sách cho người dân mua bảo hiểm y tế, chi tiêu vào các dịp gặp rủi ro, khủng hoảng (như đại dịch Covid-19). Xét về nguồn gốc tài chính thì các dịch vụ này mang tính PLXH, còn xét về tính chất dịch vụ và đối tượng thụ hưởng lại mang tính an sinh xã hội. PLXH dạng này rất cần thiết trong giai đoạn nhất định khi mà đối tượng thụ hưởng không có nguồn lực cho đóng - hưởng, buộc nhà nước phải can dự.

Có thể thấy, để đảm bảo định hướng XHCN, thì PLXH tại Việt Nam đã thực hiện thêm cả chức năng của ASXH. Vì thế, trong thiết kế xây dựng các chính sách xã hội tại Việt Nam rất khó để tách rời PLXH với ASXH trong thời gian tới.

2. Thực trạng phúc lợi xã hội đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam trong thời gian qua

Trong những năm qua, nhiều chủ trương, giải pháp của Đảng, Nhà nước rất chú trọng tới việc thu hẹp khoảng cách giàu-nghèo trong xã hội. Phần đầu xây dựng một xã hội công bằng, giảm bất bình đẳng.

Theo báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hằng năm, chỉ số nghèo của Việt Nam liên tục được cải thiện. Giai đoạn 2016-2020, kết quả giảm nghèo rất ấn tượng, vượt xa mục tiêu Nghị quyết 76 của Quốc hội đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước đã giảm 9,8% năm 2015 xuống còn 3,7% năm 2019, ước cuối năm 2020 còn 2,7%, so với mức chung của các nước đang phát triển là 23,1% dân số. Thành quả về xóa đói giảm nghèo của Việt Nam được đánh giá cao với sự nỗ lực của tất cả các vùng trên cả nước.

Những năm qua, tình hình kinh tế- xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động mạnh. Tuy nhiên Chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và triển khai nhiều giải pháp, chương trình, đề án, chính sách về lao động, giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực, trợ giúp xã hội, giảm nghèo..., góp phần ổn định, phát triển kinh tế, nâng cao phúc lợi xã hội. Quý Quốc gia về việc làm tiếp tục đóng vai trò ngày càng quan trọng trong hỗ trợ tạo và tự tạo việc làm cho người lao động (NLĐ) thông qua việc cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với NLĐ và cơ sở sản xuất kinh doanh (DN NVV, HTX, tổ hợp tác, hộ kinh doanh). Hàng năm, Quý đã hỗ trợ tạo việc làm cho khoảng 100.000 lao động...

Phát triển con người được Việt Nam đặc biệt chú trọng thông qua giáo dục và đào tạo với việc xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Với mục tiêu mang đến sự công bằng cho mọi người trong việc tiếp cận các cơ hội kinh tế, Chính phủ Việt Nam thường xuyên quan tâm đến việc đưa giáo dục đến cho người dân. Theo kết quả "Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019", cả nước có khoảng 91,7% dân số trong độ tuổi đi học phổ thông hiện đang đi học. Trong vòng 20 năm qua, tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học phổ thông nhưng hiện không đi học (chưa bao giờ đi học hoặc đã thôi học) giảm đáng kể, từ 20,9% trong năm 1999 xuống 16,4% trong năm 2009 và 8,3% năm 2019.

Trong lĩnh vực y tế, theo kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Việt Nam đã có những cải thiện rõ rệt khi tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 73,6 tuổi; trong đó, tuổi thọ của nam giới là 71,0 tuổi, của nữ giới là 76,3 tuổi. Từ năm 1989 đến nay, tuổi thọ trung bình của Việt Nam liên tục tăng, từ 65,2 tuổi (năm 1989) lên 73,6 tuổi (năm 2019). Chênh lệch về

tuổi thọ trung bình giữa nam và nữ qua hai cuộc tổng điều tra gần nhất hầu như không thay đổi, duy trì khoảng 5,4 năm.

Theo báo cáo Phát triển Con người toàn cầu năm 2020, Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2019 là 0,704 đưa Việt Nam vào nhóm phát triển con người cao và xếp thứ 117 trong số 189 quốc gia và vùng lãnh thổ. Từ năm 1990 - 2019, giá trị HDI của Việt Nam đã tăng gần 46%, nằm trong số các nước có tốc độ tăng HDI cao nhất trên thế giới. Với chỉ số phát triển giới (GDI) là 0,997, Việt Nam đứng thứ 65 trong số 162 quốc gia và nằm trong nhóm cao nhất trong 5 nhóm trên thế giới. Đặc biệt, tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội đưa Việt Nam vào nhóm cao nhất trong 3 nhóm trên toàn cầu.

PLXH là một bộ phận thu nhập quốc dân, chủ yếu được phân phối lại, ngoài phân phối theo lao động. Trong nền KTTT, việc phân phối theo PLXH là cần thiết nhằm bổ khuyết cho hình thức phân phối theo lao động và theo vốn đóng góp. Trong xã hội, không phải ai cũng có khả năng lao động, có những nhóm người yếu thế không có khả năng hoặc bị suy giảm khả năng lao động, vì vậy họ cần nhận được sự hỗ trợ thông qua các chính sách PLXH nhằm đảm bảo cuộc sống cho họ để không ai bị bỏ lại phía sau.

Bên cạnh những thành công của hệ thống PLXH đang được triển khai của Việt Nam, thì vẫn còn nhiều điểm hạn chế đã bộc lộ trong thời gian qua. PLXH ở nước ta thời gian qua còn tồn tại nhiều hạn chế làm giảm thiểu khả năng định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể như sau:

- Một là, diện bao phủ của hệ thống PLXH hiện nay trên thực tế còn giới hạn về cả số lượng và chất lượng. Không phải tất cả người dân đều tiếp cận được với hệ thống PLXH khi cần, đặc biệt là những khu vực khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hai là, hệ thống PLXH hiện nay vẫn chưa bảo đảm tính bền vững mặc dù đã có được định hướng XHCN. PLXH phải đảm nhận thêm vai trò của ANSH trong một số trường hợp. Già hóa dân số đang là vấn đề của Việt Nam trong thời gian tới, nhu cầu về PLXH ngày càng lớn, những điều này tạo ra áp lực rất lớn lên NSNN.

- Ba là: có sự chông chéo giữa các nội dung triển khai hệ thống PLXH, giữa các chương trình, dự án PLXH dẫn đến nguồn lực đã hạn chế còn bị phân tán làm giảm hiệu quả sử dụng các nguồn lực này.

- Bốn là: tổ chức quản lý nhà nước đối với hệ thống PLXH vẫn còn hạn chế làm giảm hiệu quả của nguồn lực đầu tư từ NSNN.

- Năm là: mô hình cung ứng PLXH còn chưa có đầy đủ các cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực xã hội để cung ứng đầy đủ DVC cho toàn xã hội.

- Sáu là: vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, công đồng chưa được xác định cụ thể nhằm phát huy tối đa khả năng của mình.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện hệ thống phúc lợi xã hội hiện nay

Mục tiêu chung của hệ thống PLXH Việt Nam đã được đề cập trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII và Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, là mở rộng đối tượng được thụ hưởng PLXH qua đó nâng cao chất lượng đời sống của người dân, tạo điều kiện trợ giúp có hiệu quả cho tầng lớp yếu thế, để tổn thương hoặc những người gặp rủi ro trong cuộc sống. Để đảm bảo được mục tiêu của hệ thống PLXH tại Việt Nam trong thời gian tới cần thực hiện một số nội dung sau:

- Thống nhất nhận thức về hệ thống phúc lợi xã hội tiến bộ, bền vững, chất lượng cao bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa: PLXH tiến bộ được phản ánh ở bản chất nhân văn, vì con người, đối lập với các hình thức PLXH mang màu sắc dân túy để xoa dịu mâu thuẫn, xung đột xã hội. Quan điểm về kiến tạo hệ thống PLXH tiến bộ phải được thấm nhuần sâu sắc trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, được phản ánh ở cơ cấu chi tiêu hợp lý, khá ổn định, mức tăng thuận chiều với đà tăng trưởng của nền kinh tế. PLXH tiến bộ không thể chấp nhận việc mua bán, trao đổi những thứ liên quan đến nhân cách, phẩm giá con người, không đồng nhất xã hội hóa với thị trường hóa các dịch vụ xã hội.

- Thiết kế mô hình phúc lợi xã hội tiến bộ, bền vững, chất lượng cao, phù hợp đặc điểm, trình độ phát triển, đáp ứng nhu cầu giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong từng giai đoạn: Hệ thống thể chế, chính sách đó phải xác định rõ vai trò chủ đạo, cụ thể của nhà nước trong bảo đảm PLXH ở từng khâu quản lý, chi trả phí, tổ chức cung ứng dịch vụ. Kiến tạo thể chế bảo đảm PLXH trong nền kinh tế thị trường phải xác định rõ trách nhiệm tham gia của doanh nghiệp, phát huy vai trò của xã hội gắn với cơ chế, mô hình cụ thể. Nhà nước chi trả phí toàn phần cho các dịch vụ thuần công về giáo dục, y tế, văn hóa... phải được xác định rõ ở từng khâu, từng dịch vụ cụ thể, tránh bao cấp tràn lan, đồng thời tránh đẩy sang thị trường những hạng mục thuộc trách nhiệm của nhà nước. Xác định tỷ lệ đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế, khoa học - công nghệ một cách công khai, minh bạch, gắn với nội dung các hạng mục cụ thể.

- Hoàn thiện chế độ tài khóa tiến bộ, bảo đảm nguồn thu bền vững, chế độ chi hợp lý cho phúc lợi xã hội; khơi thông, vốn hóa các nguồn lực phi tài chính để tham dự tích cực vào mở rộng phúc lợi xã hội: Ngân sách nhà nước thực hiện PLXH chủ yếu theo nguyên tắc thụ hưởng có điều kiện, tức là người dân đáp ứng những tiêu chuẩn, điều kiện nhất định thì được hưởng chế độ PLXH do Nhà nước tổ chức thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần xây dựng cơ chế, chính sách để huy động thêm các nguồn lực tài chính từ xã hội và công đồng tham gia vào cung ứng DVC cho hệ thống

PLXH. Nguồn NSNN sẽ đóng vai trò chính để cung ứng các DVC cơ bản, thiết yếu cho hệ thống PLXH. Đối với những DVC có giá trị gia tăng, thì Nhà nước có thể ủy quyền cho khu vực ngoài công lập thực hiện.

- Gắn kết chặt chẽ giữa nâng cao phúc lợi xã hội với mở rộng phạm vi bao phủ và nâng cao chất lượng an sinh xã hội, thúc đẩy phúc lợi cộng đồng: Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội bằng chuyển một phần nguồn lực đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội phi lợi nhuận, mở các chương trình nhân đạo, tăng cường năng lực xã hội của các nhóm yếu thế. Khi doanh nghiệp chuyển một phần nguồn lực đầu tư phát triển dịch vụ xã hội phi lợi nhuận, nhà nước phải có chính sách miễn thuế. Hoàn thiện mô hình quản trị các trường học, bệnh viện phi lợi nhuận được thành lập trong các tập đoàn kinh tế hoặc do các thành viên đóng góp cổ phần, nhằm giữ đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động theo nguyên tắc phi lợi nhuận. Phúc lợi cộng đồng là một bộ phận cấu thành của phúc lợi xã hội gắn với xu hướng phát triển dịch vụ phi lợi nhuận trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện tình gọn tổ chức bộ máy, biên chế khu vực sự nghiệp công thì phát triển các tổ chức phi lợi nhuận là hướng đi tất yếu, cần có cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển./.

Tài liệu tham khảo

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc XI, XII, XIII
 ADB (2018), Thách thức tài khóa, tài chính cho an sinh xã hội.
 Ủy ban Dân tộc - Văn phòng Chương trình 135: Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2011 - 2015; nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2016 - 2020,
 Armando Barrientos (2014), Social Assistance in Developing Countries, Southeast Asian Economies, Vol 31(1).
 Đặng Nguyễn Anh, "Social welfare in Vietnam: 30 years in reform on and outlook until 2030", Vietnam Social Sciences No. 3, Hà Nội, 2016
 Akira Okamoto, "Welfare Analysis of pension reforms in an ageing Japan", The Japanese Economic Review, Vol.64, No.4, 2013
 China Development Research Foundation, Constructing a Social Welfare System for All in China, Nxb. Routledge, 2013